

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/HS-PT**

Ngày: 17 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Xuân Thành**

*Các thẩm phán:* Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Trần Quốc Cường**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 194/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo **Hồ Thị Thùy L cùng đồng phạm** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo và của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Hồ Thị Thùy L, sinh năm 1972; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: L, C, C, Khánh Hòa; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hồ Trọng Ta (SN 1950) và bà Nguyễn Thị P (SN 1948); chồng Vũ Xuân C (Chết), con Vũ Xuân Huy H, sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 12/01/2018; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hồ Trọng Bảo L1, sinh năm 1978; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: V, C, L, Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hồ Trọng

T (SN 1950) và bà Nguyễn Thị P (SN 1948); vợ Phạm Thị Kim T (SN 1983), con Hồ Phạm Kim Bảo, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Thị Tuyết H, sinh năm 1988; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: N, Khánh Hòa; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Võ H (SN 1954) và bà Trần Thị M (SN 1961); chồng, con: Chưa; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 12/01/2018; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*- Người bào chữa:*

1. Ông Nguyễn Anh D là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Thùy L theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lê Văn K là Luật sư Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận bào chữa cho bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Lê Đình H là Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa bào chữa cho bị cáo Võ Thị Tuyết H theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt tại phiên tòa.

*- Bị hại:* Bà Vũ Thị V, sinh năm 1954; nơi cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vũ Thị V:* Bà Nguyễn Thị Lê D, Luật sư Công ty Luật TNHH M thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Duy V, sinh năm 1983; nơi cư trú: phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Võ Duy V:* Ông Nguyễn Viết G, Luật sư Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Bà Vũ Thị V có em ruột là Vũ Xuân C. Năm 1994, C kết hôn với Hồ Thị Thùy L thường trú tại tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Vào cuối năm 2011, do có nhu cầu mua một lô đất tại thành phố C nên bà V đưa 2.900.000.000 đồng nhờ vợ chồng L tìm mua và đứng tên chủ sở hữu giúp. Sau nhận tiền L đưa cho chồng là Vũ Xuân C và Hồ Trọng Bảo L1 (em ruột L) 2.900.000.000 đồng mua một lô đất với giá 2.100.000.000 đồng tại Z, phường Cam L cho bà V và vợ chồng L đứng tên giùm cho bà V. Năm 2013, Vũ Xuân C chết, bà V nhờ Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L bán lô đất này cho ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Thị Hải N cùng trú N với số tiền 1.500.000.000 đồng, L1 sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân.

Sau khi biết bà V có nhiều tiền muốn đầu tư làm ăn tại C nên L nói dối với bà V là đầu tư mua bán đất, sạp chợ tại C sẽ có lời vì L quen biết với một số quan chức tại C. Vì L là em dâu và sau khi nghe L nói như vậy, bà V tin tưởng và chuyển tiền. Từ năm 2011 đến năm 2017, bà V đã chuyển vào 03 tài khoản của L với tổng số tiền 12.322.000.000 đồng (TK số 470215003527 Ngân hàng X – Chi nhánh C số tiền 2.822.000.000 đồng; TK số 107000276111 Ngân hàng Y – Chi nhánh Khánh Hòa số tiền 3.493.000.000 đồng; TK số 170920739 Ngân hàng Z (Z) – Chi nhánh Khánh Hòa số tiền 6.007.000.000 đồng). Trong tổng số tiền còn lại 9.422.000.000 đồng (Sau khi đã trừ 2.900.000.000 đồng tiền mua lô đất tại Z), L đã sử dụng như sau:

- Sử dụng cá nhân 8.209.500.000 đồng (L nói bà V đầu tư mua đất Cảng cá C là 1.500.000.000 đồng; đầu tư mua 03 lô đất là 450.000.000 đồng; đầu tư mua sạp chợ tại phường C là 350.000.000 đồng; đầu tư mở quán cà phê là 1.000.000.000 đồng; mua hàng tết 500.000.000 đồng; đưa con chữa bệnh là 520.000.000 đồng. Còn số tiền 3.889.500.000 đồng L rút tiền mặt để sử dụng, việc L nài ra đưa cho L1 để đầu tư kinh doanh cho bà V, nhưng L không có tài liệu chứng minh).

- L chuyển cho L1 theo yêu cầu của bà V là 1.212.500.000 đồng.

Thông qua L bà V biết Hồ Trọng Bảo L1 (em ruột L). Từ mối quan hệ trên, năm 2012 Hồ Trọng Bảo L1 đã chủ động đưa ra những thông tin về việc kinh doanh bất động sản, nông sản để bà V tin tưởng mà chuyển tiền đầu tư cho L1 để kiếm lời. Đồng thời để tạo niềm tin cho bà V, L1 giới thiệu cho bà V về Võ Thị Tuyết H là người chuyên kinh doanh về bất động sản, buôn bán nông sản, thực

phẩm là nhân viên của Công ty TNHH K do L1 làm giám đốc. Sau đó, L1 nhờ Võ Thị Tuyết H đem đến nhà bà V ký Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa số 20/NSCF ngày 05/12/2015 và yêu cầu bà V chuyển tiền cho L1 để đóng thuế đất, thuế thu nhập cá nhân nông sản..., để bà V tin là L1 có kinh doanh thật mà tiếp tục chuyển tiền cho L1. Khi bà V yêu cầu L1 chuyển tiền trả lại thì L1 nhờ H chứng minh tài chính của H, mặc dù biết rõ Hồ Trọng Bảo L1 không có kinh doanh bất động sản, nông sản nhưng H vẫn giúp bằng cách H đưa cho bà V xem sổ tiết kiệm của H mở tại Ngân hàng X chi nhánh Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền hơn 04 tỷ đồng; chụp văn bản xác nhận số dư tiền gửi của H là 50.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP D chi nhánh Bắc Sài Gòn (H khai Võ Anh T làm giả) rồi gửi cho bà V để bà V tin tưởng. Do vậy, từ năm 2012 đến năm 2017, bà V đã chuyển tiền thông qua hai tài khoản của L1 với tổng số tiền 5.951.000.000 đồng (Ngân hàng Y – Chi nhánh Khánh Hòa là 564.000.000 đồng, Ngân hàng Z – Chi nhánh Khánh Hòa là 5.387.000.000 đồng). Trong tổng số tiền này, L1 đã chuyển cho 08 tài khoản của người khác với số tiền 2.084.700.000 đồng để sử dụng cho cá nhân L1, còn lại số tiền 3.866.300.000 đồng, L1 rút ra bằng tiền mặt. Ngoài ra, bà V đã đưa cho L1 số tiền mặt là 835.000.000 đồng và 02 cây vàng tương đương 70.000.000 đồng (trong đó Võ Thị Tuyết H nhận trực tiếp là 400.000.000 đồng). Tổng cộng Hồ Trọng Bảo L1 đã có hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt của bà V số tiền 8.068.500.000 đồng.

Để tạo cho bà V có niềm tin là kinh doanh có lời, từ năm 2013 đến 2017, Hồ Thị Thùy L đã chuyển vào tài khoản của bà V số tiền 867.000.000 đồng, Võ Thị Tuyết H chuyển vào tài khoản của bà V 50.000.000 đồng. Hồ Trọng Bảo L1 đã chuyển cho bà V 586.000.000 đồng.

Tang vật tạm giữ: 01 USB bên trong có chứa hình ảnh được trích xuất từ tin nhắn của người có tên “L1 Ba Noi” gửi ngày 06/3/2017 trong ứng dụng Viber; 01 USB hiệu SNP-Saigon Newport màu bạc đen; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, ốp lưng màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động OPPO màu trắng; 61.000.000 đồng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại Iphone màu bạc và 955.000 đồng (của Hồ Trọng Bảo L1). Tài sản kê biên: 01 lô đất diện tích 109,9m<sup>2</sup> ở địa chỉ tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:**

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L,

*Xử phạt:* Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 16 (*Mười sáu*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 29 (*Hai mươi chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2020.

*Xử phạt:* Bị cáo Hồ Thị Thùy L 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Thị Thùy L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (*Hai mươi bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thị Tuyết H,

*Xử phạt:* Võ Thị Tuyết H 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2018.

2. *Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự,

Buộc các bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L, Võ Thị Tuyết H phải bồi thường và liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V các khoản tiền sau:

2.1. Bị cáo Hồ Thị Thùy L phải bồi thường cho bà Vũ Thị V 8.555.000.000 đồng (*Tám tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

2.2. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường cho bà Vũ Thị V 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

2.3. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 và bị cáo Võ Thị Tuyết H phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V 4.970.000.000 đồng (*Bốn tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường 3.727.500.000 đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), bị cáo Võ Thị Tuyết H phải bồi thường 1.242.500.000 đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

2.4. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 và bị cáo Hồ Thị Thùy L phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V 2.100.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm*

triệu đồng), bị cáo Hồ Thị Thùy L phải bồi thường 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định bị cáo Hồ Thị Thùy L và Võ Thị Tuyết H kháng cáo kêu oan.

Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 kháng cáo toàn bộ bản án.

Người bị hại Vũ Thị V kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo L và L1 và kháng cáo yêu cầu đưa một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, kháng cáo yêu cầu hủy bỏ phán quyết về hủy bỏ quyết định kê biên tài sản đối với nhà đất 35B/2 Lê Hồng P, Tp C, Khánh Hòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố các bị cáo không phạm tội. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo L1 và L, giảm hình phạt đối với bị cáo H đồng thời sửa Bản án sơ thẩm, giữ nguyên quyết định kê biên tài sản của cơ quan điều tra. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người liên quan đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Trong lời nói sau cùng của mình bị cáo L đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lợi dụng mối quan hệ gia đình với người bị hại Vũ Thị V, bị cáo Hồ Thị Thùy L, bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 nói dối người bị hại chuyển tiền cho các bị cáo để đầu tư mua đất, kinh doanh nông sản, nộp thuế đất, nộp thuế thu nhập cá nhân nông sản, đầu tư mở quán cà phê, mua sạp chợ, đầu tư vào cảng cá,...Sau khi nhận được tiền, các bị cáo không sử dụng vào kinh doanh bất động sản, nông sản, kinh doanh vào cảng cá, nộp các loại thuế...như đã nói với người bị hại mà sử dụng vào

mục đích cá nhân, không còn khả năng thanh toán, đã chiếm đoạt T bộ tài sản của bà Vũ Thị V đã chuyển cho các bị cáo qua tài khoản của các bị cáo mở tại ngân hàng. Các bị cáo cho rằng nhận tiền của bà V để đầu tư kinh doanh, tuy nhiên quá trình điều tra đã không chứng minh được việc các bị cáo đầu tư kinh doanh từ số tiền của bà V.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1 Từ năm 2011 đến năm 2017, bà V chuyển vào 03 (ba) tài khoản của L với tổng số tiền là 12.322.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Tại tài khoản số 4702215003527 mở tại Ngân hàng X - chi nhánh C, bà V chuyển từ năm 2011 đến năm 2013 với số tiền là 2.822.000.000 đồng

- Tại tài khoản số 1070002761 mở tại Ngân hàng Y chi nhánh Khánh Hòa, bà V chuyển từ năm 2011 đến năm 2012 với số tiền là 3.493.000.000 đồng.

- Tại tài khoản số 170920739 mở tại Ngân hàng Á Châu (Z) “chi nhánh Khánh Hòa, bà V chuyển từ năm 2014 đến năm 2017 với số tiền 6.007.000.000 đồng.

Trong số tiền **12.322.000,000 đồng** trên thì bị cáo L dùng mua đất tại tổ dân phố Z, phường Cam L, TP C, tỉnh Khánh Hòa với số tiền **2.900,000.000 đồng**.

\* Khoản tiền L chuyển vào tài khoản số 116402279 mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh Khánh Hòa của Hồ Trọng Bảo L1 (chuyển từ ngày 20/11/2014 đến 23/5/2017) với tổng số tiền 1.212.500.000 đồng: Theo bị cáo L cho rằng đây là khoản tiền giữa bị cáo L1 và bà V có thỏa thuận làm ăn với nhau và nhờ L chuyển giúp.

\* Đối với khoản tiền **8.209.500.000 đồng** còn lại, trong đó gồm có:

- L đã chiếm đoạt số tiền **4.320.000.000 đồng**, cụ thể: L đã nói dối với các khoản đầu tư làm cho bà V tin là thật mà chuyển tiền rồi L chiếm đoạt như sau:

- Đầu tư mua đất tại Cảng cá C số tiền 1,5 tỷ đồng.

- Đầu tư mua 03 lô đất với diện tích mỗi lô là 100 m<sup>2</sup> tại phường Cam Lộc với tổng số tiền là 450 triệu đồng (mỗi lô có giá 150 triệu đồng),

- Đầu tư mua 05 sạp chợ tại phường Cam Lộc với tổng số tiền là 350 triệu đồng (mỗi sạp có giá là 70 triệu đồng).

\* Đầu tư kinh doanh mở quán bán cà phê với một người bạn tên Hương với

số tiền: 1.000.000.000 đồng, đầu tư mua hàng Tết năm 2016 trong 3 tháng với số tiền 500.000.000 đồng. Đồng thời L còn nói với bà V là, con ruột tên Vũ Xuân Huy H bị bệnh đau đầu không có tiền đưa đi Singapore để chữa nên hỏi vay bà V số tiền 520.000.000 đồng. Thực tế H không có bị bệnh gì cả mà đây là lý do L nài ra để bà V chuyển tiền rồi chiếm đoạt.

- Số tiền **3.889.500.000 đồng bị cáo cho rằng** là tiền bà V chuyển vào các tài khoản ngân hàng của L nhờ chuyển lại cho L1 để đầu tư mua đất, kinh doanh nông sản (vì L là em dâu bà V nên mới tin tưởng và nhờ L chuyển giúp). Nhưng qua kiểm tra tài khoản thì L đều rút tiền mặt và số tiền này L không chứng minh được đã đưa cho ai, lúc thì trình bày đưa số tiền này cho L1, lúc thì đưa cho H nhưng khi đưa không có giấy tờ gì thể hiện mà chỉ tin tưởng với nhau là chính. Do đó L phải chịu trách nhiệm đối với số tiền **3.889.500.000 đồng trên**.

[2.2] Đối với khoản tiền bị cáo L dùng mua đất tại tổ dân phố Xóm Cồn phường Cam L, TP C, tỉnh Khánh Hòa với số tiền **2.900,000.000 đồng**, Xét thấy:

- Mặc dù biết lô đất tại Z, phường Cam L, thành phố C là do bà Vũ Thị V chuyển tiền để mua và nhờ bị cáo Hồ Thị Thùy L và ông Vũ Xuân C đứng tên. Sau khi ông Vũ Xuân C chết, bị cáo L đã cùng với bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 làm thủ tục chuyển quyền thừa kế lô đất trên, sau đó bị cáo L1 liên hệ và thỏa thuận, quyết định về giá để bán lô đất ở Z cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Hải N. Bị cáo L mở tài khoản cá nhân tại Ngân hàng TMCP P chi nhánh Khánh Hòa, ngày 03/12/2013 lập Giấy ủy quyền sử dụng tài khoản cho bị cáo L1 thực hiện các thủ tục để rút tiền từ tài khoản cá nhân của bị cáo L mở tại Ngân hàng TMCP P chi nhánh Khánh Hòa. Ngày 09/12/2013, ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Hải N nhận tiền nợ 1.500.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP P chi nhánh Khánh Hòa rồi chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của bị cáo L mở tại TMCP P chi nhánh Khánh Hòa, và cùng ngày, bị cáo L1 sử dụng giấy ủy quyền sử dụng tài khoản cá nhân của bị cáo L rút 1.500.000.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân, không còn khả năng thanh toán, chiếm đoạt của bà V số tiền đầu tư mua lô đất Z là 2.100.000.000 đồng. Bị cáo L1 cho rằng không biết việc bà V nhờ bị cáo L đứng tên trong giấy CNQSD đất là không có căn cứ bởi lẽ; Tại lời khai của bị cáo L cũng thừa nhận L1 có biết việc vợ chồng L đứng tên lô đất giúp bà V bị cáo L cũng khai rằng khi lấy tiền bán đất thì L1 có nói với L là L1 sẽ điện thoại cho bà V biết, lời hai của bị cáo L là phù hợp với lời khai của bà V khẳng định rằng, khi mua đất thì L1 và ông C (chồng L) dẫn đi xem đất. Tại phiên tòa sơ thẩm lời



khai của L1 là mẫu thuẫn; vì L1 cho rằng L cần tiền nên bán đất tuy nhiên khi bán đất thì L1 là người được L ủy quyền và rút tiền tiêu sài cá nhân, việc L và L1 bán đất thì bà V hoàn toàn không biết. Như vậy hành vi của L và L1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[2.3] Tổng số tiền bà V chuyển đến 02 (hai) tài khoản của Hồ Trọng Bảo L1 từ năm 2012 đến năm 2017 là **5.951.000.000 đồng**, cụ thể như sau:

- Tài khoản số 101000181350 mở tại Ngân hàng Y - chi nhánh Khánh Hòa, chuyển tiền 02 lần vào các ngày 26/03/2012 và 23/04/2012 với số tiền là **564.000.000 đồng**.

- Tài khoản số 116402279 mở tại Ngân hàng Á Châu (Z) - chi nhánh tỉnh Khánh Hòa, chuyển từ ngày 08/04/2013 đến ngày 24/02/2017 với số tiền **5.387.000.000 đồng**.

Trong tổng số tiền này thì có 2.084.700.000 đồng L1 không chuyển cho H mà chuyển đến 08 (tám) tài khoản của người khác, cụ thể như sau:

1. Chuyển đến tài khoản số **116592439** mở tại Ngân hàng Á Châu (Z) Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch C của Phạm Thị Kim H - trú: huyện L, tỉnh Khánh Hòa (là vợ của Hồ Trọng Bảo L1) với số tiền là **570.400.000 đồng**.

2. Chuyển đến tài khoản số 163793699 mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh Lâm Đồng của H Thị Thúy V - số: CMND: 250872763, trú: tỉnh Lâm Đồng với số tiền là **75.500.000 đồng**.

3. Chuyển đến tài khoản số **3807040270103** mở tại Ngân hàng P Chi nhánh Khánh Hòa của Trần Mạnh H với số tiền là **108.900.000 đồng**.

4. Chuyển đến tài khoản số **218208939** mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh TP Hồ Chí Minh Phòng giao dịch N của Lương H T - số CMND: 075063000041, trú: TP Hồ Chí Minh, với số tiền là **117.900.000 đồng**.

5. Chuyển đến tài khoản số **224048629** mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh Khánh Hòa của Lê Hồng C - số CMND: 363784713, trú: TP N, tỉnh Khánh Hòa, với số tiền là **850.000.000 đồng**.

6. Chuyển đến tài khoản số 11555888 mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh Khánh Hòa của Nguyễn Hữu H - số CMND: 225316439, trú: TP N, tỉnh Khánh Hòa, với số tiền là **200.000.000 đồng**.

7. Chuyển đến tài khoản số **0561000560710** mở tại Ngân hàng V Chi nhánh

Lâm Đồng của Hồ Thị Bảo K - sinh năm: 1988; HKTT: tỉnh Lâm Đồng, với số tiền là **62.000.000 đồng**..

8. Chuyển đến tài khoản số **179552709** mở tại Ngân hàng Z Chi nhánh Khánh Hòa của Trần Mộng H M - số CMND: 225114910; trú: TP N, tỉnh Khánh Hòa; với số tiền là **100.000.000 đồng**

Qua làm việc với những người mà L1 đã chuyển tiền thì họ đều khẳng định hoàn toàn không biết Võ Thị Tuyết H là ai và cũng không có giao dịch làm ăn chung gì với H kể cả với L1. Mà L1 chuyển tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân như: mua 01 xe ô tô hiệu Toyota 86 màu cam, BKS: 79A-04515 của anh Nguyễn Hữu H, sử dụng vào mục đích cá nhân khi chuyển tiền cho H Thị Thuý V, trả nợ cá nhân cho chị Lê Hồng C, trả nợ ngân hàng thông qua anh Trần Mạnh H và chuyển cho Phạm Thị Kim H, Trần Mộng H M, Lương H T và Trần Thị Bảo K. Số tiền còn lại 3.866.300.000 đồng bị cáo L1 đã rút bằng tiền mặt. Như vậy bị cáo L1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền là 5.951.000.000 đồng.

[2.4] Bị cáo Võ Thị Tuyết H theo sự giới thiệu và được bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 nhờ, tháng 4/2015, bị cáo H đến nhà bà Vũ Thị V, cùng bà V đến Ngân hàng X chi nhánh Q.5, TP Hồ Chí Minh, đưa cho bà Vũ Thị V xem Sổ tiết kiệm mang tên Võ Thị Tuyết H cấp ngày 09/4/2015, có số tiền gửi là 4.010.000.000 đồng để chứng minh khả năng tài chính của bị cáo H đối với bà V; Mặc dù biết bà V và thực tế Công ty TNHH K không kinh doanh nông sản nhưng vẫn giúp bị cáo L1 đến nhà bà V đưa cho bà V xem và điền thông tin của Bên bán là bà V vào 02 bản Hợp đồng tiêu thụ nông sản hàng hóa số 20/NSCF ngày 05/12/2015 (01 Hợp đồng có chữ ký của bị cáo L1 và dấu của Công ty TNHH K ở mục Bên mua), khi khám xét nơi ở của bị cáo H thì cơ quan điều tra thu giữ 02 hợp đồng nêu trên tại nơi ở của H. Tháng 10/2016, tiếp tục lập Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 26/10/2016, ký xác nhận Công ty TNHH K nợ bà Vũ Thị V 30 tỷ tiền mua đất ở C, tiền đầu tư vô nông sản, và cam kết thanh toán khoản nợ thay cho Công ty TNHH K làm cho bà V tin tưởng bị cáo L1 có kinh doanh thật. Bị cáo L1 sử dụng thông tin và các tài liệu trên để yêu cầu bà Vũ Thị V tiếp tục chuyển để bị cáo L1 nộp thuế đất, nộp thuế thu nhập cá nhân nông sản, bôi trơn để rút tiền trả cho bà V....Bị cáo H đã 02 lần đến nhà bà V để nhận 400.000.000 đồng về đưa cho L1. Ngoài ra bị cáo còn nhờ Võ Anh Toàn làm giả giấy xác nhận số dư tài khoản của H là 50 tỷ đồng tại Ngân Hàng TMCP D Bắc Sài Gòn sau đó chụp gửi cho L1 và L1 gửi cho bà V thông qua con dâu bà V để bà V biết và tin tưởng, đầu tư cho L1. Từ ngày

05/12/2015 đến ngày 24/02/2017, bà Vũ Thị V đã chuyển 4.970.000.000 đồng vào tài khoản của bị cáo L1. Bị cáo Võ Thị Tuyết H đã giúp sức cho bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 chiếm đoạt của bà Vũ Thị V 4.970.000.000 đồng.

Như vậy bằng các thủ đoạn gian dối các bị cáo L, L1, và đồng phạm H đã làm cho bà V tin tưởng và chuyển tiền cho các bị cáo để rồi các bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại. Trong quá trình điều tra vụ án các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra là tự nguyện (Lời khai ban đầu của các bị cáo khi các bị cáo còn tại ngoại), lời khai của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra thu thập đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các chứng cứ là lời khai của bị cáo, bị hại, biên bản đối chất, xác minh việc chuyển tiền của bị hại cho bị cáo, các dữ liệu thu thập được từ điện thoại của bị cáo bị hại. Đơn kháng cáo của các bị cáo cho rằng quan hệ giữa bị cáo và bị hại là quan hệ dân sự là không có căn cứ được chấp nhận.

Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự; bị cáo Võ Thị Tuyết H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Do vậy đơn kháng cáo kêu oan của các bị cáo không có cơ sở được chấp nhận.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Vũ Thị V về hình phạt đối với bị cáo L và L1; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo L và bị cáo L1 đồng thời áp dụng đúng các quy định của Bộ luật hình sự về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ để xử phạt bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 16 (*Mười sáu*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 29 (*Hai mươi chín*) năm tù. Bị cáo Hồ Thị Thùy L 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Thị Thùy L phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 27 (*Hai mươi bảy*) năm tù, là có căn cứ, do vậy đơn kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo L và L1 là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về nội dung kháng cáo đề nghị hủy bỏ quyết định đối với nội dung Hủy bỏ quyết định kê biên tài sản là nhà và đất số 35B/2 Lê Hồng P , Tp C, tỉnh Khánh Hòa;

Xét thấy: Ngày 22 tháng 5 năm 2017 cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa nhận được đơn tố cáo L và L1 của bà V. Tại các Bút lục từ 1675 đến 1696 thể hiện từ ngày 20/6/2017 Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của bị cáo L để xác minh đơn tố cáo của bà V. Ngày 25/5/2017 Cơ quan điều tra có văn bản số 484 gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L để yêu cầu cung cấp những hồ sơ tài liệu liên quan đến đất đai của bị cáo L và yêu cầu tạm ngừng chuyển dịch tài sản đối với các tài sản của L, L1, H (BL 852). Ngày 25 tháng 9 năm 2017 ngay sau khi làm việc với cơ quan điều tra về thì bị cáo L làm hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho ông Võ Duy V.

Thấy rằng; Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00460 ngày 16/04/2012 của UBND thành phố C tại mục nhà ở được nêu rõ “Chưa chứng nhận Quyền sở hữu” (BL1817). Như vậy “Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất” được công chứng ngày 25 tháng 9 năm 2017 giữa bị cáo L với ông Vũ (BL 1815) được xác định là Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất theo đúng hình thức và nội dung của hợp đồng, tại hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nêu trên không thể hiện việc chuyển nhượng nhà, giá trị QSD đất theo hợp đồng các bên ghi là 120.000.000 đồng. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì hợp đồng chuyển nhượng QSD đất nêu trên có hiệu lực khi được đăng ký tại cơ quan quản lý đất đai. Tuy nhiên hợp đồng nêu trên chưa được đăng ký do vậy chưa có hiệu lực. Bản án sơ thẩm đánh giá cho rằng hợp đồng nêu trên là hợp đồng mua bán nhà ở và có hiệu lực theo Luật nhà ở là không có căn cứ được chấp nhận như đã nêu trên.

Xét thấy tài sản nêu trên là tài sản chung của bị cáo L và ông C (*Theo bị cáo L khai tại tòa, thì trước đây tài sản này thế chấp ngân hàng, sau này bị cáo có tiền thì đã giải chấp*). Ông C chết thì phần tài sản của ông C thuộc các hàng thừa kế của ông C bao gồm bị cáo L và Vũ Xuân Huy H (Con ông C). Như đã viện dẫn nêu trên thì thấy bị cáo L có dấu hiệu của việc tẩu tán tài sản vì vậy việc cơ quan điều tra kê biên tài sản của bị cáo mục đích đảm bảo cho việc thi hành án là cần thiết, đảm bảo quyền lợi chính đáng của bị hại, việc Tòa án cấp sơ thẩm hủy lệnh kê biên tài sản là không đúng, do vậy đơn kháng cáo của bà V về nội dung trên là có căn cứ được chấp nhận.

[3.3] Xét kháng cáo của bị hại về yêu cầu đưa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã điều tra xác minh nhưng không có dấu hiệu tội phạm đối với họ. Xét thấy trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, lấy lời khai của một số người có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo tuy nhiên không đủ căn cứ chứng minh họ có hành vi phạm tội; do vậy đã không xem xét trách nhiệm hình sự với họ là có cơ sở, vì thế đơn kháng cáo của bị hại về nội dung trên là không có cơ sở chấp nhận.

[ 4] *Về án phí*: Các bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L và Võ Thị Tuyết H phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Hồ Thị Thùy L, Hồ Trọng Bảo L1, Võ Thị Tuyết H và kháng cáo của bà Vũ Thị V về phần hình phạt đối với cáo bị cáo.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Vũ Thị V về yêu cầu giữ nguyên lệnh kê biên tài sản của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2021/HSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về nội dung kê biên tài sản.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 175; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L,

*Xử phạt*: Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 16 (*Mười sáu*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 13 (*Mười ba*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 29 (*Hai mươi chín*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2020.

*Xử phạt*: Bị cáo Hồ Thị Thùy L 15 (*Mười lăm*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Hồ Thị Thùy L phải chấp hành hình phạt

chung cho cả hai tội là 27 (*Hai mươi bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thị Tuyết H,

*Xử phạt:* Võ Thị Tuyết H 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/01/2018.

2. *Về bồi thường thiệt hại:* Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự,

Buộc các bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Hồ Thị Thùy L, Võ Thị Tuyết H phải bồi thường và liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V các khoản tiền sau:

2.1. Bị cáo Hồ Thị Thùy L phải bồi thường cho bà Vũ Thị V 8.555.000.000 đồng (*Tám tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

2.2. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường cho bà Vũ Thị V 345.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

2.3. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 và bị cáo Võ Thị Tuyết H phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V 4.970.000.000 đồng (*Bốn tỷ chín trăm bảy mươi triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường 3.727.500.000 đồng (*Ba tỷ bảy trăm hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), bị cáo Võ Thị Tuyết H phải bồi thường 1.242.500.000 đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

2.4. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 và bị cáo Hồ Thị Thùy L phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị V 2.100.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm triệu đồng*), cụ thể: Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1 phải bồi thường 1.400.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*), bị cáo Hồ Thị Thùy L phải bồi thường 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*).

3. Giữ nguyên Lệnh kê biên số 575/PC44 ngày 21/8/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa. Về việc Kê biên tài sản đối với lô đất tại tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

4. *Về án phí:*

4.1. Bị cáo Hồ Trọng Bảo L1, Võ Thị Tuyết H và Hồ Thị Thùy L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**